UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Nghề đào tạo: **Hàn** Mã nghề: **6520123** **Lớp: CĐ. Hàn – K20**

2. Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

3. Loại hình đào tạo**: Chính quy**

4. Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương**

5. Mục tiêu đào tạo:

5.1. Mục tiêu chung:

Trang bị cho người học kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối rộng trong phạm vi nghề Hàn; Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp; Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của nghề Hàn.

Trang bị cho người học kỹ năng nhận thức, sáng tạo để xác định, phân tích, đánh giá trong phạm vi rộng; Kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi nghề Hàn; Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.

Người học sau khi tốt nghiệp đạt năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

5.2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức:

Trình bày các phương pháp chế tạo phôi hàn.

Giải thích các vị trí hàn (1F,1G,2F, 2FR, 2G,3F, 3G,4F, 4G, 5G, 6G, 6GR).

Đọc các ký hiệu vật liệu cơ bản.

Trình bày phạm vi ứng dụng của các phương pháp hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG).

Hiểu nguyên lý, cấu tạo và vận hành thiết bị hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG).

Đọc, hiểu quy trình hàn áp dụng vào thực tế của sản xuất.

Trình bày nguyên lý cấu tạo, vận hành các trang thiết bị hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW…).

Tính toán chế độ hàn hợp lý.

Trình bày các khuyết tật của mối hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG), Nguyên nhân và biện pháp đề phòng.

Trình bày các ký hiệu mối hàn, phương pháp hàn trên bản vẽ kỹ thuật.

Trình bày và giải thích quy trình hàn, chọn vật liệu hàn, áp dụng vào thực tế của sản xuất.

Phân tích quy trình kiểm tra ngoại dạng mối hàn theo tiêu chuẩn Quốc tế (AWS).

Giải thích các ký hiệu vật liệu hàn, vật liệu cơ bản.

Biết các biện pháp an toàn phòng cháy, chống nổ và cấp cứu người khi bị tai

nạn xảy ra.

Kỹ năng:

Chế tạo phôi hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ bằng mỏ cắt khí bằng tay, máy cắt khí con rùa, máy cắt plasma.

Định vị các kết hàn theo các vị trí khác nhau theo yêu cấu kỹ thuật;

Vận hành, điều chỉnh chế độ hàn trên máy hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, TIG).

Đấu nối thiết bị hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, TIG) một cách thành thạo.

Chọn chế độ hàn hợp lý cho các phương pháp hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, TIG).

Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn Hồ quang tay (SMAW), có kết cấu đơn giản đến phức tạp, như mối hàn góc (1F – 4F), mối hàn giáp mối từ (1G – 4G), mối hàn ống từ vị trí hàn (1F,1G,2F,2FR, 2G, 5G) của thép các bon thường, có chất lượng mối hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ.

Hàn các mối hàn MAG/ MIG vị tri hàn 1F – 4F, 1G – 4G đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Hàn các mối hàn lót TIG phủ SMAW.

Sửa chửa các mối hàn bị sai hỏng, biết nguyên nhân và biện pháp khắc phục hay đề phòng.

Có khả năng đào tạo thợ bậc dưới.

Có khả năng làm việc theo nhóm, độc lập.

Xử lý các tình huống kỹ thuật trong thực tế thi công.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Biết bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ và phòng chống cháy nổ của nghề hàn.

Làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm trong công việc.

5.3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc tại các Công ty, Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn có nghề Hàn;

Công tác trong nước hoặc đi xuất khẩu lao động sang nước ngoài.

6. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 40
- Thời lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 146 tín chỉ
- Thời lượng các môn học chung/đại cương: 516 giờ
- Thời lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 3080 giờ

-Trong đó thời lượng lý thuyết: 819 giờ; Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận: 2777giờ.

7. Khoá học:

Ban hành kèm theo Quyết định số: 198a /QĐ-CĐN ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận.

8. Thời gian khoá học: 3 năm (từ ***21/9/2020*** đến ***21/9/2023***)

9. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 25 tuần

10. Quyết định phê duyệt chương trình:

Ban hành kèm theo Quyết định số: 194/QĐ-CĐN ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận.

I.LỊCH HỌC TOÀN KHOÁ

Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
Năm học																																																						
I		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	M	M	T	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	T	D	H	H	H	H	H
II	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	M	M	T	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	T	D	H	H	H	H	H
III	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	S	S	S	S	S		O	T						

M	Môn học/mô-đun	D	Dự phòng	TN	Thi tốt nghiệp	L	Tết
S	Thực tập tại doanh nghiệp	O	Ôn tập	T	Thi kết thúc MĐ/MH	H	Nghỉ hè

II.PHÂN BỔ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Các môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Kế hoạch giảng dạy					
							Năm 1		Năm 2		Năm 3	
							Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6
1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	75					
2	Pháp luật	2	30	18	10	2	30					

3	Giáo dục thể chất	3	60	5	51	4	60					
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4	75					
5	Tin học	3	75	15	58	2	75					
6	Tiếng anh	5	120	42	72	6	120					
7	Kỹ năng mềm	2	45	15	28	2	45					
8	Bảo vệ môi truồng, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	2	36	12	23	1	36					
9	An toàn lao động	2	45	20	23	2	45					
10	Vẽ kỹ thuật	4	90	30	56	4		90				
11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	45	20	23	2	45					
12	Vật liệu cơ khí	2	45	20	23	2			45			
13	Autocad	4	90	30	56	4		90				
14	Thực tập điện - điện tử	2	45	20	23	2		45				
15	Thực tập Nguội	4	90	20	66	4		90				
16	Chế tạo phôi hàn	3	75	15	57	3		75				
17	Gá lắp kết cấu hàn	3	60	15	42	3		60				
18	Thực hành Tiện cơ bản	4	90	30	56	4		90				
19	Thực hành Phay cơ bản	4	90	30	56	4			90			

20	Tính toán kết cấu hàn	3	60	30	27	3		60				
21	Hàn hồ quang tay 1	6	120	45	69	6			120			
22	Hàn hồ quang tay 2	5	120	15	100	5			120			
23	Hàn hồ quang tay 3	5	120	15	100	5			120			
24	Hàn hồ quang tay 4	4	90	15	71	4					90	
25	Hàn MIG/MAG 1	5	120	20	95	5			120			
26	Hàn MIG/MAG 2	5	120	20	95	5				120		
27	Hàn MIG/MAG 3	4	90	15	71	4				90		
28	Thực tập sản xuất	6	280	0	280	0				280		
29	Hàn TIG 1	5	120	20	95	5				120		
30	Hàn TIG 2	5	120	15	100	5					120	
31	Hàn TIG 3	4	90	15	71	4					90	
32	Tiếng anh chuyên ngành	2	45	20	23	2						45
33	Hàn ống 1	5	120	20	95	5					120	
34	Hàn ống 2	5	120	20	95	5					120	
35	Kiểm tra đánh giá chất lượng mối hàn	3	60	30	27	3					60	
36	Hàn khí 1	3	75	20	52	3						75
37	Hàn khí 2	3	75	20	52	3						75
38	Hàn tiếp xúc	2	45	15	28	2						45

39	Hàn tự động dưới lớp thuốc bảo vệ	2	45	15	28	2						45
40	Thực tập tốt nghiệp	6	280	0	280	0						280
	Tổng cộng	**146**	**3596**	**819**	**2641**	**136**	**606**	**600**	**615**	**610**	**600**	**565**

III.THI TỐT NGHIỆP

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết/ trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Lý thuyết chuyên môn nghề	Viết, trắc nghiệm, vấn đáp	Không quá 180 phút.
3	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Không quá 24 giờ

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2020

TL.HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO VÀ CTSV

Đã ký

Huỳnh Ngọc Tường Vi